TÒA ÁN NHÂN DÂN **H.CHÂU THÀNH-TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **89** /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/02/2022
V/v tranh chấp: "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Hiếu**
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Bền**

Ông **Nguyễn Đức Duy**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Đông**
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà **Lương Thị Trà My**-Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2021 về tranh chấp: "ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Đặng Thị Hồng H**, sinh năm 1988 (có mặt)
Địa chỉ: ấp LT, xã BL, huyện CT, Tiền Giang.
* *Bị đơn*: **Lê Tấn P**, sinh năm 1986 (có mặt)
Địa chỉ: ấp LT, xã BL, huyện CT, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị H trình bày: chị và anh P kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì chị và anh P sống hạnh phúc, đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp.

Nay do mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Tấn D, sinh năm 2008 và Lê Tấn K, sinh năm 2012. Chị H yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn anh P đã được tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến, yêu cầu gì.

Tại phiên Tòa anh P thống nhất như phần trình bày của chị H về quá trình hôn nhân, con chung và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh đồng ý ly hôn, đồng ý giao hai con cho chị H nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu: Từ khi thụ lý vụ kiện và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều đã thực

hiện đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định, vắng mặt trong quá trình giải quyết.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, giao hai con cho chị H nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: chị H yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con.

Xét thấy, chị H và anh P kết hôn với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn.

Theo chị H trình bày, sau khi kết hôn thì chị và anh P sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, anh P chơi cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con, hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không hàn gắn được, hiện nay chị đã sống ly thân với anh P.

Tại phiên tòa anh P thừa nhận có chơi cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con nên dẫn đến mâu thuẫn, nay anh xác định vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh P đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Nay chị H yêu cầu ly hôn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: xét thấy, hiện nay cháu D và cháu K đang sống với chị H. Anh P đồng ý giao hai cháu cho chị H nuôi dưỡng, nguyện vọng của hai cháu muốn sống với chị H. Do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống của hai cháu nên cần giao hai cháu cho chị H nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1/ Về hôn nhân: cho chị Đặng Thị Hồng H được ly hôn với anh Lê Tấn P.

2/ Về con chung: giao cháu Lê Tấn D, sinh ngày 12/02/2008 và Lê Tấn K, sinh ngày 02/7/2012 cho chị H nuôi dưỡng.

Anh P có quyền tới lui chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: không có, không yêu cầu.

4/ Về nợ chung: không có, không yêu cầu.

5/ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003520 ngày 22/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành xem như đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Võ Ngọc Hiếu

*** Nơi nhận:**
- VKSND h.Châu Thành;
- THADS h.Châu Thành;
- UBND xã Bàn Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.